

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh
S.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá V và ông Phạm Công H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Th, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày .../02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 12/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972, SĐT: 098xxxx486, có mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công S, 1972, SĐT: 097xxxx677, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố Thanh H, phường Thanh Kh, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công S kết hôn ngày 19/12/1992, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) Thanh Kh. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2021 vợ chồng thường xuyên pháp

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến tháng 03/2023, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay, chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh S.

- *Về nuôi con chung*: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 30/6/1999.

Hiện các con chung đều khỏe mạnh và đã trưởng thành. Do đó, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Công S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có khả năng đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh chỉ có lời trình bày, chứ không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản*: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+ *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công S.

+ *Về nuôi con chung*: Không đề cập giải quyết.

+ *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa mở lại hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Công S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Công S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh S tuy không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận từ tháng 02/2023, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân và anh không đưa ra được phương án hòa giải cụ thể nào để thuyết phục chị T về đoàn tụ, hơn nữa tại phiên hoà giải anh còn vắng mặt; ngoài ra, tại phiên tòa mở lại lần này anh S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh S nhằm gây khó khăn và thực sự không có thiện chí về đoàn tụ nên đề nghị của anh không có cơ sở.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về nuôi con chung*: Do các con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/01/1993 và cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 30/6/1999 đều khỏe mạnh và đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu xem xét, nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về chia tài sản*: Do các bên không yêu cầu xem xét, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công S.

2. *Về nuôi con chung*: Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

*. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0006144 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành; chị Tình đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P. Thanh Kh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn T

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyển

